

QUAN ĐIỂM VỀ GIÁO DỤC TRẺ EM TRÊN BÁO *PHỤ NỮ TÂN VĂN* (1929-1935)

NGUYỄN MINH HUỆ*

Tóm tắt: Bài viết tập trung khảo sát hệ thống quan điểm về trẻ em và giáo dục thiếu nhi trên tờ *Phụ nữ tân văn* giai đoạn 1929-1935, nhằm làm rõ cách thức báo chí kiến tạo nên hình tượng “đứa trẻ hiện đại” trong bối cảnh giao thoa văn hóa Đông - Tây. Nghiên cứu chỉ ra rằng trẻ em trên *Phụ nữ tân văn* không chỉ là đối tượng thụ hưởng giáo dục mà còn là hiện thân của dự án hiện đại hóa quốc gia. Qua việc khảo sát, phân tích các chủ đề về vệ sinh, khoa học giáo dục và đạo đức, bài viết khẳng định vai trò của báo chí trong việc thiết lập các chuẩn mực xã hội mới, đồng thời chỉ ra tính chất lai ghép giữa tư tưởng Nho giáo truyền thống và các giá trị phương Tây trong quá trình hình thành bản sắc trẻ em Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Từ khóa: *Phụ nữ tân văn*, đứa trẻ hiện đại, giáo dục trẻ em, văn học trẻ em.

PERSPECTIVES ON CHILDREN’S EDUCATION IN *WOMEN’S NEWS* (1929-1935)

Abstract: This article analyzes perspectives on childhood and early childhood education as presented in the *Women’s News* newspaper (*Phụ nữ tân văn*) from 1929 to 1935. It seeks to clarify how the press constructed the figure of the “modern child” at the intersection of Eastern and Western cultural influences. The findings indicate that children in *Women’s News* were depicted not only as recipients of education but also as embodiments of the national modernization project. Through examination of themes such as hygiene, educational science, and ethics, the article demonstrates the press’s central role in establishing new social norms. Additionally, it emphasizes the hybridity of traditional Confucian ideology and Western values in shaping the identity of Vietnamese children in the early twentieth century.

Keywords: *Phụ nữ tân văn*, modern child, childhood education, children’s literature.

Ngày nhận bài: 05.05.2026; ngày gửi phản biện: 12.05.2026;

ngày nhận bản sửa: 25.05.2026; ngày duyệt đăng: 01.06.2026.

1. Đặt vấn đề

Phụ nữ tân văn là một tuần báo do bà Nguyễn Đức Nhuận làm chủ nhiệm, số 1 ra mắt tại Sài Gòn vào thứ năm, ngày 02.05.1929, và đình bản ngày 21.04.1935. Tờ báo này không chỉ bàn luận về các vấn đề của phụ nữ, mà còn đề cập đến nhiều vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở Việt Nam lúc bấy giờ. Trong gần sáu năm tồn tại (1929-1935), *Phụ nữ tân văn* đã góp phần vận động nữ quyền và giải phóng phụ nữ, khởi xướng phong trào Thơ Mới, tổ chức nhiều hoạt động nhằm khuyến khích các phong trào xã hội, giúp đỡ cho phụ nữ, học sinh và người nghèo,...

* ThS. - Viện Văn học. Email: huevvh@gmail.com

Những năm gần đây, bên cạnh các nỗ lực sưu tầm, số hóa và in lại *Phụ nữ tân văn* để giới thiệu tới đông đảo độc giả, ngày càng xuất hiện nhiều công trình, bài viết của giới học thuật về tờ báo này. Những nghiên cứu về báo chí Nam Kỳ đầu thế kỉ XX của Huỳnh Văn Tòng, Đỗ Quang Hưng, Bùi Đức Tịnh, Lại Nguyên Ân, Thiện Mộc Lan, Phạm Thị Thu Hương, Cao Việt Dũng, Đoàn Ánh Dương,... đã tái dựng lịch sử hình thành, khuynh hướng tư tưởng, vai trò xã hội và tầm ảnh hưởng của tờ báo này trong bối cảnh văn hóa đương thời. Các thảo luận về nữ quyền và vấn đề giáo dục phụ nữ trên *Phụ nữ tân văn* đã được Bùi Trân Phượng, Đặng Thị Vân Chi, Bùi Thị Thanh Hương, Cao Kim Lan,... khai thác, thường là trong mối liên hệ với những tờ báo cùng thời, chẳng hạn *Phong Hóa*, *Ngày Nay*, *Đàn bà* và *Đàn bà mới*. Tuy nhiên, những công trình trên đây chưa chú ý một cách thỏa đáng đến mối liên hệ trực tiếp giữa phụ nữ - trẻ em - giáo dục trên *Phụ nữ tân văn*, dù đây là chủ đề của rất nhiều bài viết trong tờ báo này. Christina Firpo đã từng đề cập đến vấn đề trẻ em trên báo chí Quốc ngữ ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX (trong đó có *Phụ nữ tân văn*), nhưng đối tượng mà học giả này tập trung khảo sát là trẻ em lai Âu - Á và chương trình phúc lợi của chính quyền thực dân Pháp¹. Nhìn chung, chưa có nghiên cứu nào tiếp cận “trẻ em” trên *Phụ nữ tân văn* như một sản phẩm của các chiến lược tri thức và quyền lực trong một bối cảnh lịch sử cụ thể.

Xem xét *Phụ nữ tân văn* như một không gian công cộng đặc thù, nơi các quan niệm về gia đình, giáo dục và tương lai được định hình, bài viết này cho rằng “trẻ em” không chỉ là đối tượng thụ hưởng giáo dục mà còn là một phạm trù xã hội - văn hóa được kiến tạo thông qua các diễn ngôn báo chí ở Việt Nam trong giai đoạn giao thời. Từ góc nhìn liên ngành văn hóa học và xã hội học, bài viết định vị “trẻ em” như một đối tượng trung tâm trong dự án hiện đại hóa của các trí thức Việt Nam thời thuộc địa, nơi các hệ hình giáo dục cũ và mới liên tục giao thoa và xung đột. Thông qua việc khảo sát các bài viết về trẻ em và giáo dục thiếu nhi trên *Phụ nữ tân văn*, bài viết tập trung giải quyết ba câu hỏi then chốt: Trẻ em được kiến tạo như thế nào trong diễn ngôn báo chí? Quan niệm về giáo dục thiếu nhi gắn kết ra sao với dự án hiện đại hóa? Có hay không sự đan xen, xung đột giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại trong cách hình dung về thế hệ tương lai?

2. Giáo dục trẻ em qua những thảo luận về nhi đồng trên *Phụ nữ tân văn*

Phụ nữ tân văn không phải là tạp chí đầu tiên dành sự quan tâm đến độc giả nhỏ tuổi. Trước đó bốn chục năm, trên *Thông loại khóa trình* (1888-1889), tờ báo tư nhân đầu tiên mang nội dung văn hóa giáo dục, Trương Vĩnh Ký đã đăng những câu chuyện nhắm đến đối tượng “con trẻ [...] như tờ giấy bạch, như sáp mềm” để “uốn sửa” cho “ra con nhà gia giáo”². Năm 1927, trên tờ *Đông Pháp thời báo*, lần đầu tiên danh xưng “nhi đồng” xuất hiện trong một chuyên mục, dù chưa được đứng tên độc lập và phụ trương “Phụ nữ và Nhi đồng” không hiện diện thường xuyên. Chuyên mục “Nhi đồng” trên *Phụ nữ tân văn* ra đời do nhận thức về sự thiếu hụt sách báo dành cho trẻ nhỏ, dẫn đến thực trạng: “Trừ năm ba cuốn nhi đồng giáo khoa ra;

¹ Christina Firpo, “Phụ nữ và trẻ em thời thuộc địa và chương trình phúc lợi xã hội của chính quyền thực dân,” Doãn Thị Ngọc dịch, *Giới và xã hội*, tập 10 (2013), https://www.academia.edu/6217851/_vol_10_2013

² Dương Thu Hằng, “Trương Vĩnh Ký và bước khởi đầu đời sống văn chương hiện đại” (Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, 2010), 53-69.

thì từ cửa ải Nam Quan cho chí tới đất Cà Mau, một xứ có đất dài mấy muôn dặm, dân đông 18 triệu người như vậy đây, mà một tờ báo hay một tạp chí để riêng cho bạn nhi đồng đọc, thiết kiếm đồ con mắt cũng không có”¹. Trong số đặc biệt dành cho nhi đồng, *Phụ nữ tân văn* đã tỏ bày tham vọng xây dựng một tạp báo riêng cho trẻ em nước nhà, mà trước hết là một chuyên mục chiếm vài trang trên mỗi số báo. Đó là “một cách lo vun tưới cho vườn cây thanh niên của ta vậy”². Xuất phát từ việc thay đổi nhận thức về vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội, tờ báo này thường xuyên nhấn mạnh trách nhiệm của người mẹ trong việc giáo dục con cái. Người mẹ được đề cao với vai trò lớn lao của người “tái tạo giống nòi”, “người thầy đầu tiên”, đồng thời là cầu nối giữa truyền thống và hiện đại trong giáo dục trẻ em. Madame Nguyễn Đức Nhuận đã khẳng định về thiên chức của người phụ nữ: “trong gia đình, người chủ trương là người đàn bà, là người mẹ”, sinh thành và giáo dục nên “tương lai nước nhà, nòi giống, tinh hoa của nước”³. Những thảo luận về vấn đề trẻ em trên *Phụ nữ tân văn* nằm trong hệ tư tưởng về gia đình - người mẹ, gắn liền với quan niệm mới về phụ nữ trong việc nâng cao tri thức và nuôi dạy con theo những định hướng cơ bản như sau:

2.1. Trẻ em - đối tượng giáo hóa đạo đức

Nội dung nổi bật trong giáo dục nhi đồng trên *Phụ nữ tân văn* là việc xem trẻ em như đối tượng cần được giáo hóa về đạo đức. Những bộ sách giáo khoa bồi dưỡng nhân cách trẻ nhỏ được ban biên tập tin tưởng sử dụng trong các đoạn trích ở phần Nhi đồng là các cuốn *Mông học thế giai* của Nguyễn An Khương, *Nhi đồng lạc viên* của Nguyễn Văn Ngọc. Các bài viết thường nhấn mạnh các giá trị như hiếu thảo, lễ nghĩa, trung thực, vâng lời cha mẹ. Cậu bé Thanh trong *Vì sao con phải báo hiếu cha mẹ* của Trảng Kiều (số 88, ra ngày 25.6.1931) là tấm gương về lòng biết ơn đối với bậc sinh thành. Câu chuyện về trò Tiêu của Huỳnh Lan (*Có Liên dạy em ngay thật*, số 86, ra ngày 11.6.1931) là bài học về lòng trung thực. *Chuyện con nai làm hoàng hậu* (Nguyễn Văn Nhứt dịch) dạy các em về quy luật nhân quả: “Những người có lòng tốt sớm muộn cũng được trời thưởng xứng đáng”⁴. Bài học về sự ngay thẳng được đúc kết qua *Chuyện tên tiểu phu mất búa*: “ở đời thật thà mới có phước, gian tham thì bị họa”⁵. Thông qua các câu chuyện viết về bạn bè đồng lứa, trẻ được dạy về lòng trắc ẩn, tình thương không chỉ với con người mà còn với sinh linh vạn vật như lời nhắn của ngoại dành cho em Phi: “Con ra ngoài vườn chơi, đừng có giết chết một con gián, một con dế, một con trùng; đó là mạng sanh-linh của trời đất nghe con!”⁶.

Trong phần Nhi đồng trên *Phụ nữ tân văn* số 8 (ra ngày 20.6.1929), Tản Đà cắt nghĩa chữ “con gái” như sau: “thời khi chưa lấy chồng trở về trước gọi là con gái”, khi “duyên phận hay dở chưa đến” thì nên “tu tỉnh nét na”, “học tập làm ăn”, “có đức có tài thời là một người con gái hiền, một người con gái hiền thời sau sẽ là một người đàn bà hiền”, thơ ví người con gái

¹ P.N.T.V, “Vì sao có tạp báo này riêng cho bạn Nhi đồng,” *Phụ nữ tân văn*, số Nhi đồng (9.1933): trang bìa. Trong bài viết này, khi trích dẫn các văn bản ở đầu thế kỉ XX, chúng tôi giữ nguyên cách viết trong nguyên tác, thay vì điều chỉnh theo chuẩn chính tả hiện hành.

² Như trên, 1.

³ Madame Nguyễn Đức Nhuận, “Cái thiên chức của người làm mẹ,” *Phụ nữ tân văn*, số 9 (27.6.1929): 7.

⁴ “Chuyện con nai làm hoàng hậu,” Nguyễn Văn Nhứt dịch, *Phụ nữ tân văn*, số 94 (06.8.1931): 31.

⁵ “Chuyện tên tiểu phu mất búa,” Nguyễn Tuấn Anh dịch, *Phụ nữ tân văn*, số 95 (13.8.1931): 32.

⁶ P.N.T.V, “Em Phi, con trùng với mây con kiến,” *Phụ nữ tân văn*, số 193 (30.3.1933): 31.

như cây đào “đẹp tươi hoa thắm, ngọt ngào trái xanh”, răn dạy những người con gái phải biết học tập, tu dưỡng nết na cho có đức: “Từ khi em bé đến giờ/ Bắt sâu vun gốc cũng nhờ tay ai/ Em trông con gái những người/ Khôn ngoan đã sẵn có trời phù cho/ Thế mà nếu chẳng hay lo/ Biết đâu rồi nữa không thua cây đào?”¹. Trẻ em gái được răn dạy phải giữ đạo hữu ái với anh chị em để làm cho “khí nhà hòa vượng”, “giàu sang không tan nát, nghèo khó không lùi bại”². Từ thuở ấu thơ, các em đã được dạy dỗ về phận sự người con gái là “giặt dĩa quần áo, quét tước nhà cửa, trông nom cơm nước, khâu vá chăn màn, coi sóc đồ đạc... cho siêng năng, cho khôn khéo, cho sạch sẽ, cho ngon lành, mới khỏi tiếng con nhà vô dạy”³. Đây rõ ràng là sự tiếp nối của hệ giá trị Nho giáo, nơi trẻ em được đặt trong mối quan hệ thứ bậc với gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, điều đáng chú ý ở *Phụ nữ tân văn* là các giá trị này không còn được trình bày như những chân lí bất biến, mà được diễn giải lại trong ngôn ngữ hiện đại hơn, gần với tiên bộ và văn minh. Những đứa trẻ thời đại mới được dạy dỗ tỉ mỉ về khuôn phép ứng xử: Phải tập cho quen, khi nào chào hỏi hay từ giã ai cũng “không được đội nón”; Khi mình ngồi ở trong phòng “có khách bước vô, là phải đứng dậy liền”; Khi nói chuyện với người lớn tuổi hơn mình “người ta đứng, thì mình cũng không được ngồi”; Khi tụ họp đông người “không được nói hay la lớn tiếng”; Nói chuyện phải dạ hoặc thưa ông, bà, chú, bác, anh, chị; Ở chỗ đông người, “phải rón [ràng] kiêng cử những việc: chải đầu, vuốt tóc, xia răng, cắn móng tay, nhứt là không nên ợ, ngáp...”; Đi đường “gặp một người đàn bà, một cô con gái, hay ai khác lớn tuổi hơn mình, phải nhường đường cho người ta đi trước”⁴. Những quy tắc ứng xử của người Langsa không những phù hợp với truyền thống ứng xử, đạo lí, văn hóa người Việt mà còn bồi đắp thêm cho trẻ nhỏ kĩ năng giao tiếp cũng như hạt mầm tư tưởng hiện đại về ý thức tôn trọng phụ nữ.

Bên cạnh đó, vẫn có không ít ý kiến thể hiện tư duy đối thoại với quan điểm mới trong giáo dục trẻ em gái. Phần Nhi đồng trên hai số 165 và số 166 đăng bài thảo luận về tư tưởng tự do hôn nhân để giáo dục bé gái, Mlle Bích Liên cho rằng ý niệm về tự do hôn nhân “để làm cho người ta lầm lạc”, “thà rằng vâng lời cha mẹ định”, “tam cang biết giữ mới ra gái hiền”⁵. Cô Vương Dã Hương khuyên con gái nên giữ đạo làm vợ, lấy chồng phải giữ mình như giữ cái bình quý⁶. Những nội dung giáo dục trẻ em gái làm thế nào để mai này trở thành người vợ, người mẹ hội đủ công dung ngôn hạnh trên *Phụ nữ tân văn* là sự tiếp nối tương đối thống nhất với những hình dung về đạo đức phụ nữ trên báo chí Quốc ngữ Việt Nam đầu thế kỉ XX - từ *Gia Định báo*, *Nam Kỳ địa phận* cho đến *Nông cổ mín đàm*,...

Việc một tờ báo đấu tranh sôi nổi cho phong trào nữ quyền đưa những quan niệm đề cao lễ giáo Nho phong vào hệ giáo án bồi dưỡng nhi đồng liệu có phải là một sự mâu thuẫn trong tư tưởng, hay một cách rập khuôn tư duy giáo dục của người lớn cho trẻ nhỏ? Kì thực, đây không phải là lựa chọn tùy hứng, ngẫu nhiên mà mang tính định hướng, cũng như sự xuất hiện

¹ Tân Đà, “Nghĩa chữ con gái,” *Phụ nữ tân văn*, số 8 (20.6.1929): 30.

² Tân Đà, “Hữu ái,” *Phụ nữ tân văn*, số 9 (27.6.1929): 30.

³ Tân Đà, “Phận sự,” *Phụ nữ tân văn*, số 17 (22.8.1929): 32.

⁴ Thơ Cao, “Nếu các em muốn có khuôn phép,” *Phụ nữ tân văn*, số 106 (29.10.1931): 31.

⁵ Mlle Bích Liên, *Phụ nữ tân văn*, số 165 (25.8.1932): 31.

⁶ Vương Dã Hương, *Phụ nữ tân văn*, số 166 (01.9.1932): 32.

thường xuyên của Tản Đà, một trí thức Nho học lão thành ở phần Nhi đồng trên *Phụ nữ tân văn* trong những năm 1929, 1930. Do đó, có thể nói rằng quan điểm truyền thống trong giáo dục trẻ em trên báo chí giai đoạn này không biến mất, mà đã được tái cấu trúc, mang theo ý niệm về một sự thận trọng trước làn sóng Âu hóa, một tinh thần bảo thủ cần thiết để thích ứng với bối cảnh mới.

2.2. Trẻ em - đối tượng của khoa học giáo dục

Bên cạnh đạo đức, trẻ em còn được nhìn nhận như đối tượng của khoa học. Các bài viết về vệ sinh, dinh dưỡng, cách nuôi dạy con cái theo phương pháp mới xuất hiện ngày càng nhiều. Ảnh hưởng của Tây học và y học hiện đại thể hiện rõ qua việc nhấn mạnh các yếu tố như: chế độ ăn uống hợp lý, vệ sinh cá nhân, phát triển thể chất và tinh thần. Báo *Phụ nữ tân văn* đi theo con đường dung hòa hai xu hướng thực dân hóa và bản địa hóa trong tư tưởng giáo dục sức khỏe. Chuyên mục “Phụ nữ vệ sinh” được phụ trách bởi y khoa tân sĩ Trần Văn Đôn và lương y Annam Nguyễn Tử Thức, đều là các thầy thuốc Annam danh tiếng của cả Đông y và Tây y. Đồng thời với việc truyền bá kiến thức sản nhi hiện đại theo hướng đảm bảo vệ sinh và ngăn chặn nhiễm trùng, truyền nhiễm cho bà mẹ và trẻ nhỏ, *Phụ nữ tân văn* cũng thừa nhận sự “đúng đắn” và “cần thiết” trong việc chấp nhận văn hóa bản địa, cân nhắc vai trò tâm lý của người phụ nữ bản địa trong quá trình sinh nở¹. Tính chất hợp lý của nhiều tập tục sinh đẻ truyền thống của người bản địa đã được ghi nhận như: chế độ thai giáo, điều tiết chế độ ăn của bà mẹ khi mang thai, chế độ tập luyện thân thể nhẹ nhàng. Từ trong bụng mẹ, đứa trẻ được nuôi dưỡng bằng tâm thái khoan hòa từ tâm trí đến hành động của người mẹ khi giữ “tánh tình cử động cho được thư thái hòa nhã, mắt nên ngó cảnh đẹp vật hay, tai nghe những lời ngay lẽ phải, óc nên suy nghĩ đến những sự nhơn nghĩa, tốt lành, vui vẻ” để “đứa con sau này mạnh khỏe, thông minh”². Thời khắc cất tiếng khóc chào đời, trẻ sơ sinh ở thành phố được “nhà sanh của nhà nước” - nơi “rộng rãi, có sẵn thuốc men, quan thầy” săn sóc, còn ở nông thôn, trẻ được mẹ đỡ “cho kéo, chỉ đun trong nước sôi, bà đỡ rửa tay sạch bằng rượu trắng” trước khi cắt dây rốn³. Song song với việc đều đặn chạy quảng cáo cho hãng sữa công thức Nestlé, sữa đặc Favorita, bánh quy Brun, *Phụ nữ tân văn* vẫn âm thầm cổ xúy cho cách nuôi con truyền thống, thuận tự nhiên của người bản địa qua việc khẳng định lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ, khuyên chị em sau khi sinh con “phải chịu khó tự mình nuôi nấng, cho bú mớm lấy” bởi “con cái nhờ chung đức khí huyết của mẹ cha và gần gũi mẹ thường thì được hấp thu tính tình cao thượng, sau mới nên người có chí khí”⁴. *Phụ nữ tân văn* quan niệm thiếu niên là “hi vọng của quốc gia, là nghị-lực của xã-hội, là tương-lai của nước nhà”, vậy nên cần chăm lo cho “cái sức khỏe của đám đầu xanh tuổi trẻ”, khuyên bạn thiếu niên Việt Nam ta cần chú trọng tới thân thể. Đây là những khoản vệ sinh hàng ngày có ích lợi cho sức khỏe các em: Trước khi ăn cơm phải rửa tay cho sạch; Không ăn những thức ngọt và quả bánh nào không sạch; Không uống nước trà, nước café, chỉ dùng nước suối và nước trời mưa thật trong sạch;

¹ Nguyễn Minh Huệ, “Diễn ngôn về giáo dục phụ nữ trong lịch sử văn hóa Việt Nam thời hiện đại,” trong *Văn hóa Việt Nam trong các chiều kích biến đổi*, Nhiều tác giả (NXB Khoa học xã hội, 2025), 675.

² PNTV, “Tư tưởng có ảnh hưởng tới sự thai sản,” *Phụ nữ tân văn*, số 72 (02.10.1930): 6.

³ Trần Văn Đôn, “Lời khuyên trong lúc sanh sản,” *Phụ nữ tân văn*, số 02 (09.5.1929): 17.

⁴ Madame Nguyễn Đức Nhuận, “Cái thiên chức của người làm mẹ,” *Phụ nữ tân văn*, số 9 (27.6.1929): 7.

Buổi sáng và tối phải đánh răng cẩn thận; Phải tập thể thao trong ba chục phút ở nơi quang đãng; Buổi tối ngủ từ 8 giờ tới 6 giờ sáng và cửa phòng phải mở; Trong lúc ngủ không nên nằm gần cửa sổ vì ban đêm thường có gió độc; Đi đứng phải cho ngay thẳng, ăn uống không nên hấp tấp; Lúc nào cũng phải vui vẻ lấy việc giúp người làm thú vị; Hằng bữa phải tắm rửa cho sạch¹. Trong diễn ngôn này, trẻ em không chỉ cần ngoan mà còn cần khỏe mạnh và phát triển đúng cách. Đây là dấu hiệu của sự xuất hiện của “đưa trẻ khoa học hóa” - một đối tượng được quản lý bằng tri thức phương Tây.

Sau những năm tháng đầu đời được nuôi dưỡng chăm sóc trong gia đình, trẻ em cần được tiếp tục thụ hưởng giáo dục ở trường lớp theo các cấp học phù hợp với lứa tuổi. *Phụ nữ tân văn* là một trong số ít các tờ báo tư nhân có tiếng nói đấu tranh trực diện và thẳng thắn đối với chính sách giáo dục thuộc địa². Thực trạng quá ít em nhỏ được học hành đã gióng lên hồi chuông nguy cấp về dân trí: “... tính ra trong tám người thiếu niên đến tuổi vào trường, thì chỉ có một người là được học... cái số sơ học ở nước ta chỉ là phần 8 trong dân thiếu niên, mà trong cái phần ấy, còn đâu một phần rất nhỏ vượt quá cái trình độ sơ đẳng”³. Theo đó, quyền được đi học của trẻ em phải là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển của giáo dục. Nhưng thực tế mà báo chí phơi bày đã trái ngược với diễn ngôn “khai hóa văn minh” mà thực dân Pháp vẫn tuyên truyền: “Đi học, than ôi, đời bây giờ đi học có phải dễ dàng gì như ngày xưa nữa đâu. Trường học không rộng chỗ, đi học phải tốn tiền... biết bao nhiêu trẻ em, vì nhà nghèo... vì hoàn cảnh bắt buộc, không thể đi học được”⁴. Chương trình giáo dục thuộc địa, đặc biệt là giáo dục tiểu học được đưa ra bàn luận, trước thực trạng con nít sau mấy năm sơ đẳng “chữ Pháp dùng không được, chữ ta lại u ơ”. Các nhà giáo phân tích lợi ích của việc dạy quốc văn ở nhà trường giúp khai mở trí thông minh của trẻ vì “muốn học một thứ tiếng nào cho mau hay thì trước hết phải rành tiếng mẹ đẻ của mình đã”. *Phụ nữ tân văn* bày tỏ nỗi bất bình đối với quy định về bằng tiểu-học gây bất lợi cho học trò, cản trở số lượng trẻ được học hành khi thi rớt môn Pháp-văn sẽ bị đánh trượt: “Vì vậy mà mỗi năm có biết bao nhiêu con nít chưa chắc là ngu muội, chưa chắc là không có sức học, phải ôm sách trở về nhà”⁵.

Tờ báo cũng góp phần định hình tư tưởng mới về giáo dục, từ quan niệm đến phương cách dạy học khi khẳng định: “Cái khoa dạy dỗ con nít là cái khoa phải học công phu nhiều và phải thí nghiệm nhiều lần mới có thể rành được. Cần phải có học vấn đề triết lý mà nhứt là phải rành về tâm-lý trẻ con”; “phải làm sao cho đứa nhỏ vui mà ham học, nghĩa là phải hiểu hết. Đứa nhỏ không phải một cái hũ để cho ông thầy ngồi trên bàn cao rót chữ vào”⁶. Mô hình lớp học hoạt động (*classe active*) đã được đề xuất, nơi học trò không bao giờ buồn ngủ, gợi ý cách giáo dục trẻ kiểu Âu - Mỹ theo phương pháp tự nhiên (*processus naturel*) để đạt được mục đích

¹ H.V, “Lập đội Nhi đồng Vệ sanh quân,” *Phụ nữ tân văn*, số 109 (19.11.1931): 31.

² Năm 1908, tỉ lệ đi học trên tổng số dân của Bắc Kỳ là 0,09%, Trung Kỳ là 0,05%, Nam Kỳ là 0,06%, trong khi tỉ lệ đi học ở một số thuộc địa khác cao hơn nhiều, như Ấn Độ là 1,4%, Philippines là 3,5%, Algérie là 6%. Dẫn theo Trịnh Văn Thảo, *Nhà trường Pháp ở Đông Dương* (NXB Thế giới, 2009), 127.

³ PNTV, “Học trò bãi khóa,” *Phụ nữ tân văn*, số 6 (06.6.1929): 5.

⁴ V.H, “Được đi học là có phước lớn,” *Phụ nữ tân văn*, số 109 (19.11.1931): 31.

⁵ Nguyễn Văn Phác, “Những chỗ sai lầm trong bài *Việc dạy dỗ trẻ con Việt Nam* của ông Tịnh Xuân,” *Phụ nữ tân văn*, số 185 (12.01.1933): 13.

⁶ Như trên, 12.

yếu trọng của trường tiểu học là “mở trí cho trẻ em”. Nhà giáo Trịnh Thu Tâm đề xuất đem khoa học nuôi con vào trong chương trình học của con gái, bởi “nuôi con là một khoa học khó khăn... phải biết chăm nom nuôi nấng theo phép vệ sanh”, “con gái lên chín, mười tuổi học ngay cái khoa học ấy không phải là sớm”¹.

2.3. Trẻ em - công dân tương lai

Một quan niệm quan trọng khác là việc xem trẻ em như những công dân tương lai của quốc gia qua các bài viết nhấn mạnh vai trò của học tập, kỉ luật và tinh thần trách nhiệm. *Phụ nữ tân văn* hai số 14 và 15 đăng ý kiến bàn luận của Tản Đà về việc cần giáo dục cho trẻ em gái về chí hướng học tập và chức nghiệp: “người con gái... muốn cho yên lành trong sạch, phải nên lấy chức nghiệp làm cần, muốn cho danh giá vẻ vang, càng nên biết chức nghiệp là trọng”². Theo quan niệm này, trẻ em không chỉ thuộc về gia đình, mà còn thuộc về cộng đồng và quốc gia dân tộc. Từ số 6, ra ngày 06.6.1929, chuyên mục Nhi đồng của *Phụ nữ tân văn* đã đăng lại *Quốc sử diễn ca* nhằm giáo dục lịch sử dân tộc. Lời kêu gọi các bạn đồng trang lứa của một nữ sinh đã nhắc nhở phận sự chung của thiếu niên với đất nước: “Đã thác sanh làm gái Việt-nam/ Liễu-bồ tô điểm vẽ giang san/ Sao cho rạng rỡ nhà Hồng Lạc/ Để tiếng muôn năm với địa-hoàn”³. Trong số báo đặc biệt dành cho các em nhỏ tháng 9.1933, *Phụ nữ tân văn* đã phát biểu quan điểm về giáo dục trẻ em khi đặt lên vai nhi đồng trọng trách với quốc gia - dân tộc: “... bây giờ các em đi học, tuy là học riêng cho phần các em, nhưng mà mai sau các em phải đem cái học đó ra giúp đỡ đền bồi cho quốc gia chủng tộc [...] bây giờ tuy các em là cậu trò nhỏ, là đứa trẻ con mặc lòng, nhưng mà mai sau bề nào cũng tới một ngày các em phải chia gánh công việc trên đời, phải có nghĩa vụ đối với quốc gia xã hội, lớn lao và nặng nề lắm đó”⁴.

Các tin tức, hình ảnh trên *Phụ nữ tân văn* đưa ra những mẫu hình sống động, chân thực về trẻ em nước ngoài như một hình thức khuyến khích tinh thần học hỏi cho trẻ nhỏ. Đó là những bức ảnh trẻ em Nhật Bản chăm chỉ đọc báo Nhi đồng, cháu nội của Trương Tác Lâm ở Trung Hoa lo tập luyện binh pháp. Sự đối lập giữa hình ảnh một bé gái Ấn Độ 10 tuổi mà đã góa chồng và buộc phải ở góa trọn đời với những bức ảnh hài đồng bụ bẫm, xinh đẹp ở châu Âu có thể là cách để *Phụ nữ tân văn* mở rộng nhãn quan chính trị xã hội, cũng như khơi gợi cảm xúc, suy tư về sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, tầng lớp xã hội trên thế giới. Hình ảnh về nhi đồng Việt Nam được cập nhật là các nam sinh Hướng đạo quân ở Tuyên Quang, Hà Nội, Sài Gòn mặc đồng phục đứng ngay ngắn cùng anh em trong hội đoàn. *Phụ nữ tân văn* không quên tuyên dương những nữ thiếu niên tài năng như Marie Thuần, một cô bé giỏi về âm nhạc phương Tây, hay Henriette Trần - người đã đỗ thủ khoa Brevet Supérieur trong kì thi tháng Sáu ở Saigon. Trẻ em Việt Nam được giáo dục về lòng dũng cảm, sẵn sàng cống hiến cho Tổ quốc qua những câu chuyện nêu gương nhi đồng nước Pháp trong Thế chiến thứ nhất, như anh hùng 13 tuổi Viala⁵ hay các thiếu niên can đảm như Jean Gourdon (10 tuổi), Georges Miller

¹ Trịnh Thu Tâm, “Sao không đem khoa học nuôi con vào trong chương trình học của con gái,” *Phụ nữ tân văn*, số 8 (20.6.1929): 5-6.

² Tản Đà, “Chức nghiệp,” *Phụ nữ tân văn* số 14 (01.8.1929): 32; số 15 (08.8.1929): 31.

³ Mlle Nguyễn Thị Thanh Liên, “Gọi bạn,” *Phụ nữ tân văn*, số 16 (15.8.1929): 13.

⁴ PNTV, “Vì sao có tập báo này riêng cho bạn Nhi đồng?,” 1.

⁵ H.D, “Một vị thiếu niên anh hùng của nước Pháp,” *Phụ nữ tân văn*, số 94 (06.8.1931): 30.

(14 tuổi), Ratto (16 tuổi), Boger Gseil trước khi hi sinh vẫn hát bài *Marseillaise*¹. Câu chuyện về nhân vật Sâm-Đa-Vi, một người da trắng đấu tranh chống chế độ nô lệ ở Mỹ hồi thế kỉ XIX² được kể lại nhằm giáo dục nhi đồng về tư tưởng tự do, bình đẳng. Việc giáo dục trẻ em trên *Phụ nữ tân văn* vì thế mang ý nghĩa chính trị khi nó góp phần chuẩn bị cho sự hình thành một xã hội hiện đại.

Chương trình giáo dục, bồi dưỡng thế hệ mầm non cho đất nước của *Phụ nữ tân văn* không dừng lại ở những luận thuyết mà đã được thực hành bởi các dự án thực tế, thiết thực. Dự án xã hội dành cho nhi đồng, thiếu niên được tờ báo này thực hiện với quan niệm là “con đường nghĩa vụ” của những người mẹ đối với thế hệ con em của đất nước³. Dự án thứ nhất là hệ thống viện Dục anh nhằm đến đối tượng “con nít nhà nghèo”, lập ra từ nguồn “ân trạch lớn lao” của các nhà từ thiện, nhận nuôi dưỡng miễn phí con nhà lao động. Cách các bà mẹ lao động gửi con là: “từ 5 rưỡi sáng đem con lại gửi cho viện nuôi tới chiều tối lại lãnh về, con trẻ còn bú thì viện cho bú, con trẻ biết ăn thì cho ăn một ngày ba bữa, cho quần áo mặc sạch sẽ và tắm rửa sẵn sóc kỹ lưỡng”, “trẻ con lại gửi cho viện nuôi khỏi tốn tiền bạc chi hết”⁴. Học bổng cho học sinh nghèo xuất dương du học cũng là một dự án xã hội được *Phụ nữ tân văn* khởi xướng từ những số báo đầu tiên. *Phụ nữ tân văn* số 6 (ra ngày 06.6.1929) thông báo về việc cấp học bổng cho học sinh nghèo du học nhận được sự hưởng ứng của đông đảo độc giả cùng chung “tắc lòng vì giang san chủng tộc”, đặt tên là Học bổng của Phụ nữ Việt Nam, nghĩa là “học bổng của cả đoàn thể Phụ nữ trong nước lập ra... chứ không phải chỉ có nghĩa hẹp là học bổng của đàn bà đọc báo Phụ nữ lập ra”⁵. Người nhận học bổng phải có bằng Diplôme phổ thông ở Việt Nam, sau đó sẽ được cấp kinh phí du học chừng 5-6 năm, trong đó 2 năm học tú tài và 3-4 năm lấy bằng đại học, “mỗi phần báo hằng năm 6000\$, thì trích [trích] ra 15%, có 2000 người mua thì trích ra được 1800\$00, trong số đó lấy ra 1200\$00 làm học bổng mỗi năm, 600\$00 để làm tiền dự trữ, phòng khi có việc bất thường... là giá ăn học mất [mắc] lên, khi người học sanh đau yếu”, “1200\$ mỗi năm tính cả tiền ăn tiền học tiền may quần áo hằng năm... để học không phải lo nghĩ về sự vật chất thiếu thốn”⁶. Sau 4 năm, kế hoạch “trồng người” đã có trái ngọt: “hai người thanh niên lãnh học bổng của Phụ nữ Việt Nam là Nguyễn Hiếu và Lê Văn Hai, nay mai đã sắp đến ngày thành tài về nước, một người thi đậu canh nông bác vật, còn một người thi đậu văn khoa cử nhơn”⁷. Với những dự án xã hội như vậy, *Phụ nữ tân văn* không chỉ ghi dấu trong lịch sử giáo dục trẻ em Việt Nam về tư tưởng, mà còn có ảnh hưởng tích cực trong đời sống xã hội thuộc địa nhờ các hoạt động thực hành, mang ý nghĩa cải cách khi đã góp phần thay đổi nhận thức về nuôi con và khơi gợi được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng muốn góp sức vì đường “đường dục nhơn tài” cho nước nhà. Ở đây, ta thấy rõ sự gắn kết giữa giáo dục thiếu nhi và dự án quốc gia hóa về trẻ em trên *Phụ nữ tân văn* có sự chia sẻ với quan điểm về chủ nghĩa dân tộc trong giáo dục của Phan Bội Châu, Đạm Phương, đặc biệt

¹ P.N.T.V, “Trẻ con can đảm,” *Phụ nữ tân văn*, số Nhi đồng (9.1933): 5.

² PNTV, “Người đồng tòa,” *Phụ nữ tân văn*, số 6 (06.6.1929): 31.

³ PNTV, “Thanh xuân bắt tái,” *Phụ nữ tân văn*, số mùa xuân (19.01.1933): 1.

⁴ PNTV, “Mở thêm một viện Dục anh,” *Phụ nữ tân văn*, số 217 (21.9.1933): 18.

⁵ PNTV, “Học bổng của phụ nữ Việt Nam thành công ở ngay trước mắt,” *Phụ nữ tân văn*, số 6 (06.6.1929): 11.

⁶ Như trên, 12.

⁷ PNTV, “Những bước đường phụ nữ đã trải qua trong năm 1932,” *Phụ nữ tân văn*, số mùa xuân (19.01.1933): 11.

trong các ấn phẩm cho trẻ em của Tân Đà, Dương Bá Trạc¹, cùng nhiều nhóm trí thức sau này như Tự Lực văn đoàn với *Sách Hồng*, Tân Dân với bộ *Truyền bá*,... trong các dự án sáng tác và xuất bản cho thiếu nhi.

3. Kết luận

Trong bối cảnh thuộc địa, báo chí Quốc ngữ đã thực sự đóng vai trò như một công cụ truyền bá tri thức mới và chuẩn mực mới. Thông qua các bài viết về giáo dục, vệ sinh, đạo đức và các sáng tác văn chương, báo chí góp phần hình thành tư tưởng về “con người hiện đại”. Trẻ em, với tư cách là thế hệ tương lai, trở thành đối tượng trung tâm của dự án này. Quan niệm về giáo dục trẻ em trên *Phụ nữ tân văn* hàm chứa các yếu tố truyền thống và hiện đại. Chúng không tồn tại đối lập, mà đan xen và bổ sung cho nhau. Đạo đức Nho giáo được kết hợp với khoa học phương Tây, tình cảm gia đình gắn với trách nhiệm công dân là sự tiếp nối và hô ứng với phong trào nữ quyền sôi nổi lúc bấy giờ. Các thảo luận về vấn đề trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái xuất hiện song song với cuộc vận động thành lập các trường nữ học dạy bằng chữ Quốc ngữ bên cạnh việc dạy tiếng Pháp, biên soạn sách học và phát miễn phí hoặc là bán thật rẻ cho phụ nữ. Mục tiêu xây dựng một thế hệ nhi đồng khỏe mạnh, được phát triển đủ đầy về thể chất và tinh thần của đã được *Phụ nữ tân văn* tiến hành song song với mục tiêu xây dựng hình tượng người phụ nữ tân thời vừa giỏi công dung ngôn hạnh, nữ công gia chánh, vừa có chức nghiệp, vừa biết áp dụng những kiến thức hiện đại trong chăm sóc, nuôi dạy con cái. Điều này phản ánh tính chất chuyển tiếp của xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Tuy nhiên, sự lai ghép này cũng tạo ra những mâu thuẫn giữa tự do cá nhân và kỉ luật xã hội, giữa phát triển cá nhân và nghĩa vụ tập thể, giữa quy tắc đạo đức Nho gia về phận sự của trẻ em gái trong gia đình với cuộc đấu tranh bình quyền để được đi học, được thực hiện quyền công dân và được pháp luật bảo vệ. Những thảo luận về trẻ em trên báo chí Quốc ngữ đầu thế kỉ XX ghi nhận một cách định nghĩa về trẻ em mang ảnh hưởng của thời đại, chỉ coi trẻ em như những người lớn thu nhỏ, là một thành phần trực tiếp và không thể phân biệt của xã hội người lớn, được khoác lên những biểu tượng sức mạnh trong vị thế đại diện cho hi vọng về tương lai dân tộc. Cuộc vận động học bổng cho học trò nghèo xuất dương du học tuy dành cho tất cả học trò đủ tiêu chí, song chỉ hướng đến các nam sinh. Do đối tượng phổ biến tri thức của *Phụ nữ tân văn* chủ yếu là độc giả nữ trung và thượng lưu, nên phương thức thực hiện giáo dục nhi đồng ở tờ báo này có sự phân hóa và hạn chế nhất định. Tính chất không thuần nhất trong diễn ngôn về trẻ em thuộc địa trên *Phụ nữ tân văn* thể hiện khi một mặt những người chủ trương đề cao mẫu hình của quốc mẫu cùng các lí thuyết giáo dục hiện đại, mặt khác luôn tiềm tàng tinh thần phản

¹ Phan Bội Châu từng chia sẻ về quan điểm tiếp cận văn minh phương Tây trong giáo dục: “Tôi thấy người nước ta ngày nay, mặc đồ Tây, đi xe Tây, uống rượu Tây, ngủ giường Tây, soi gương Tây. Ngạo nghễ tự cho mình là văn minh, song đi sâu tìm hiểu thì chẳng khác chi những kẻ cam tâm làm nô lệ cho giặc; chẳng khác chi những kẻ chứa chấp của riêng, ham chuộng giả dối, chẳng khác chi những kẻ ý lại nặng, chỉ tự cường bạc nhược. Đem tư tưởng tinh thần như vậy mà học đòi văn minh, thì chỉ có văn minh ngoài da, mà dã man trong tủy”. Xem thêm Phan Bội Châu, *Toàn tập*, tập 2 (NXB Thuận Hóa, 1990), 317.

Cũng xem: Đàm Phương nữ sử, *Giáo dục nhi đồng* (NXB Kim Đồng, 2019); Tân Đà, *Lên sáu* (Nam Anh thư quán, 1928); Tân Đà, *Lên tám* (Kim Đức Giang ấn quán, 1928); và loạt sách giáo dục trẻ em *Chuyện giải trí* của nhóm soạn giả Dương Bá Trạc, Nguyễn Đỗ Mục, Dương Quảng Hàm, Vũ Đình Long, xuất bản trong quãng thời gian 1924-1931.

biện đối với nhà trường Pháp - Việt và một tâm thế cẩn trọng trong lựa chọn, định hình, kiểm soát nội dung giáo dục. Những mâu thuẫn này cho thấy quá trình hiện đại hóa không phải là một tiến trình tuyến tính, mà đầy phức tạp và giằng co. Những thảo luận về vấn đề trẻ em trên *Phụ nữ tân văn* là “cuộc đối thoại giữa lối suy nghĩ cũ và lối suy nghĩ mới”, là nơi những tư tưởng mà chúng gọi ra có thể “vừa gieo trồng vừa nuôi dưỡng những hạt giống cho sự thay đổi xã hội”¹. Đặt trong bối cảnh Việt Nam ba mươi năm đầu thế kỉ XX, có thể thấy đối tượng trẻ em trên *Phụ nữ tân văn* không chỉ là những đứa trẻ “có sẵn” mà như một hình tượng đang được định hình, là kết quả của các chiến lược tri thức và quyền lực: đạo đức hóa, khoa học hóa và quốc gia hóa. Như vậy, chức năng xã hội mà báo chí văn chương đảm nhiệm có lẽ không đơn giản là “sự phản ánh” mà “chủ yếu là sự tham dự tích cực vào đời sống như một nhân tố để định hình và kiến tạo xã hội, hiện thực”². *Phụ nữ tân văn* đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành hệ thống diễn ngôn về trẻ em và giáo dục thiếu nhi ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. Quan niệm về giáo dục trẻ em của *Phụ nữ tân văn* không chỉ thể hiện khát vọng về thế hệ tương lai mà còn là một trong những sản phẩm của quá trình “tiếp biến văn hóa” lâu dài và không thuần nhất khi dung chứa cả sự mô phỏng tư tưởng, mẫu hình phương Tây và sự kháng cự với hệ thống chính trị thuộc địa. Hình tượng trẻ em trong dự án đạo đức hóa, khoa học hóa và quốc gia hóa trên *Phụ nữ tân văn*, một tờ báo phụ nữ mang tư tưởng chủ nghĩa dân tộc, là một đóng góp cần được khảo cứu kĩ lưỡng và ghi nhận trong lịch sử hình thành văn học thiếu nhi hiện đại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Trân Phượng. “Việt Nam 1918-1945, giới và hiện đại: sự trỗi dậy những nhận thức và trải nghiệm mới.” Tạp chí *Thời đại mới*, số 18 (3.2010). https://tapchithoidai.diendan.org/ThoiDai18/201018_BuiTranPhuong.htm
- Cao Kim Lan. “Phụ nữ và phong trào nữ quyền ở Việt Nam đầu thế kỉ XX (Khảo sát ba tờ báo *Phụ nữ tân văn*, *Phụ nữ thời đàm* và *Đàn bà*).” Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 10 (2019): 58-72.
- Dương Thu Hằng. “Trương Vĩnh Ký và bước khởi đầu đời sống văn chương hiện đại.” Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, 2010.
- Đặng Thị Vân Chi. “Vấn đề phụ nữ ở Việt Nam trước cách mạng tháng Tám năm 1945: Nội dung và giải pháp.” Trong *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba*. Đơn vị xuất bản, 2008.
- Đoàn Ánh Dương, biên soạn. *Phụ nữ bàn về vấn đề phụ nữ trên Phụ nữ tân văn*. NXB Phụ nữ Việt Nam, 2025.
- Đỗ Quang Hưng. *Lịch sử báo chí Việt Nam (1865-1945)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
- Firpo, Christina. “Phụ nữ và trẻ em thời thuộc địa và chương trình phúc lợi xã hội của chính quyền thực dân.” Doãn Thị Ngọc dịch. *Giới và xã hội*, tập 10 (2013). <https://www.academia>.

¹ Kimberly Reynolds, *Nhập môn văn học trẻ em*, Phạm Phương Chi, Nguyễn Thị Thanh Hương và Nguyễn Thị Diệu Linh dịch (NXB Văn học, 2024), 19.

² Trần Văn Toàn, *Văn học như một diễn ngôn (Lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault và văn học sử Việt Nam)* (NXB Đại học Sư phạm, 2025), 117.

edu/6217851/_vol_10_2013.

Nguyễn Minh Huệ, Vũ Thị Thanh Loan và Đào Thị Hải Thanh, biên soạn. *Tự Lực văn đoàn với vấn đề phụ nữ ở nước ta*. Đoàn Ánh Dương giới thiệu. NXB Phụ nữ Việt Nam, 2021.

Lại Nguyên Ân. “Mảng sách cho trẻ em ở Việt Nam thời kì 1930-1945 qua các tư liệu tìm được thời gian gần đây.” Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 2 (2023): 3-11

Nguyễn Minh Huệ và Đào Thị Hải Thanh. “Bước đầu tìm hiểu hoạt động báo chí và văn chương của Thụy An trước năm 1945.” Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 6 (2022): 110-119.

Phạm Thị Thu Hương. “*Phụ nữ tân văn* (1929-1935) trong bối cảnh văn hóa đầu thế kỉ XX.” Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 2018.

Phụ nữ tân văn, nguồn dữ liệu số hóa tại trang <http://ndclnh-mytho-usa.org/khochuasachcu.htm>

Reynolds, Kimberly. *Nhập môn văn học trẻ em*. Phạm Phương Chi, Nguyễn Thị Thanh Hương và Nguyễn Thị Diệu Linh dịch. NXB Văn học, 2024.

Thiện Mộc Lan. *Phân son tô điểm sơn hà*. NXB Văn hóa Sài Gòn, 2010.

Trần Văn Toàn. *Văn học như một diễn ngôn (Lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault và văn học sử Việt Nam)*. NXB Đại học Sư phạm, 2025.

Trịnh Văn Thảo. *Nhà trường Pháp ở Đông Dương*. NXB Thế giới, 2009.